

KẾ HOẠCH
Đẩy mạnh tăng trưởng lĩnh vực kinh tế ngành
năm 2025 trên địa bàn Thành phố

Kinh tế thế giới năm 2025 dự đoán còn nhiều bất định, xu hướng phân tách, phân cực ngày càng rõ nét; xung đột tiếp tục leo thang ở một số khu vực, quốc gia; chính sách thương mại của chính quyền Tổng thống Donald Trump giữa Mỹ với một số quốc gia diễn biến căng thẳng¹; kinh tế, thương mại thế giới phục hồi chậm, thiếu vững chắc; giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải có thể biến động mạnh, cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số tiếp tục phát triển mạnh mẽ tạo ra những biến động nhanh, bất thường,... là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng và sẽ là những thách thức tác động không nhỏ đến nền kinh tế của Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.

Mục tiêu đưa GRDP của Hà Nội tăng trưởng 8% trở lên trong năm 2025, tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn phát triển đột phá 2026-2030 được xác định là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất. Kết quả tăng trưởng Quý I/2025 của Thành phố khá tích cực, tăng trưởng gấp 1,35 lần so với cùng kỳ và cao hơn kịch bản đưa ra đầu năm, trong đó: GRDP tăng 7,35% (cùng kỳ tăng 5,44%; kịch bản đề ra đầu năm là 7,21%)²; các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế ngành đều tăng khá cao: Dịch vụ tăng 8,34% - gấp 1,4 lần cùng kỳ (5,98%), cao hơn kịch bản đầu năm (8,05%); công nghiệp tăng 5,36%, xây dựng tăng 5,9% - đều cao hơn cùng kỳ. Các chỉ tiêu về: Chỉ số sản xuất công nghiệp; Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn; Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ đều tăng cao hơn cùng kỳ. Thu hút đầu tư nước ngoài đạt 1.415,4 triệu USD, tăng 48% so với cùng kỳ (đạt 47,2% mục tiêu cả năm 2025), trong đó có 34 dự án đăng ký vốn tăng thêm 1.165 triệu USD. Thị trường ổn định, chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân 2,75% - trong mức kiểm soát là dưới 5%.

Đề tăng tốc, tạo đột phá, thực hiện hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc phấn đấu tăng trưởng kinh tế cả nước năm 2025 đạt 8%; Chương trình hành động số 04/CTr-UBND ngày 14/02/2025 của UBND Thành phố; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND Thành phố về mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 28/3/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố và Thông báo kết luận số 154/TB-VP ngày 25/3/2025 của UBND Thành phố tại Hội nghị triển khai các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ kinh tế năm 2025 lĩnh vực kinh tế ngành, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai giải pháp thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ kinh tế năm 2025 trên địa bàn Thành phố lĩnh vực kinh tế ngành như sau:

¹ Ngày 02/04/2025, Tổng thống Hoa Kỳ đã ký sắc lệnh áp mức thuế tối thiểu 10% lên tất cả hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ; Việt Nam chịu mức thuế nhập khẩu 46%, là quốc gia bị Hoa Kỳ áp thuế nhập khẩu cao thứ 4 thế giới (sau Lào 48%, Campuchia 49%, Madagascar 47%).

² Tp. HCM tăng 7,51%; Đà Nẵng tăng 11,36%; Hải Phòng tăng 11,07%; Quảng Ninh tăng 10,91%.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tập trung hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ tăng trưởng lĩnh vực kinh tế ngành để góp phần hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng GRDP của Thành phố đạt và vượt 8% trong năm 2025, tạo đà cho tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030; Kịp thời rà soát các khó khăn, vướng mắc, các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực kinh tế ngành đảm bảo góp phần thúc đẩy quá trình phát triển KTXH của Thủ đô.

2. Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp; phân công rõ tập thể và cá nhân có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện trên nguyên tắc *rõ người, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ hiệu quả*; xác định rõ lộ trình thực hiện và thời gian hoàn thành, chế độ thông tin báo cáo cụ thể, đồng thời kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh bổ sung.

3. Kết quả việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển lĩnh vực kinh tế ngành là cơ sở, một trong những tiêu chí xác định về mức độ hoàn thành công việc phục vụ cho công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hằng tháng, hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách, đồng thời thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chương trình hành động số 04/Ctr-UBND ngày 14/2/2025 của UBND Thành phố về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2025; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 28/3/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố về giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, đột phá mục tiêu tăng trưởng GRDP đạt và vượt 8% năm 2025 của thành phố Hà Nội.

2. Chú trọng, quyết liệt, đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành theo hướng sâu sát cơ sở, bám sát thực tiễn, nhất là đối với những vấn đề phát sinh trong lĩnh vực kinh tế ngành và có phản ứng nhạy bén về cơ chế, chính sách để linh hoạt, kịp thời hơn, có trọng tâm, trọng điểm đảm bảo xử lý tốt các tình huống nhiệm vụ trong ngắn hạn và phát triển trong trung, dài hạn; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị của Trung ương và giữa các cơ quan thuộc Thành phố trong triển khai công việc; quyết tâm cao và quyết liệt hơn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong xử lý công việc.

3. Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về công tác quy hoạch, đầu tư, tài chính, tiền tệ, tín dụng; phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế ngành: công nghiệp, thương mại, điện lực, du lịch, nông nghiệp...; hoàn thiện cơ chế chính sách trong lĩnh vực kinh tế ngành là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể được phân công tại các Phụ lục 01, 02 đính kèm, chi tiết như sau:

- **Chỉ tiêu chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế ngành:** Phụ lục 01 phân công 09 Sở, ban ngành chủ trì, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo kịch bản tăng trưởng đề ra.

- **Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm:** Phụ lục 02 phân công 08 Sở, ngành chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai từng nội dung, giải pháp cụ thể theo tiến độ; xác định rõ kết quả, những công việc cần thực hiện để hoàn thành các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực kinh tế ngành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố về việc triển khai Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện kiểm điểm tiến độ, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này lồng ghép trong báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Chương trình hành động số 04/CTr-UBND ngày 14/02/2025 của UBND Thành phố thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường năm 2025 hàng quý, 6 tháng và tổng kết năm 2025, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp chung về kết quả thực hiện Kế hoạch này lồng ghép tại báo cáo tình hình thực hiện phát triển kinh tế-xã hội định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể trong Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Đ/c Bí thư Thành ủy; | (để
- TTTU, TTHĐNDTP; | b/c)
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, các PCM;
- Lưu: VT, KT_{Quyết}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Quyền

Phụ lục 1: Kịch bản tăng trưởng lĩnh vực kinh tế ngành năm 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Quý I		Quý II	6T	Quý III	9T	Quý IV	Chủ trì tham mưu	Ghi chú
				Kịch bản	TH Quý I							
A	NHÓM CHỈ TIÊU KINH TẾ											
1	Tăng trưởng GRDP	%	8,00	7,21	7,35	7,93	7,59	8,18	7,79	8,53		
1.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	3,10	2,45	3,09	1,57	1,98	4,37	2,65	4,35	Sở Nông nghiệp và MT	
1.2	Công nghiệp	%	7,02	5,77		6,98	6,43	7,47	6,82	7,47	Sở Công Thương	
	<i>Khai khoáng</i>	%	-0,20	-10,76	-4,1	-0,70	-5,74	5,98	-1,62	2,45	Sở Công Thương	
	<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	6,69	5,53	5,57	6,75	6,18	7,04	6,51	7,10	Sở Công Thương	
	<i>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt...</i>	%	9,28	8,87	5,3	9,12	9,02	9,43	9,16	9,61	Sở Công Thương	
1.3	Dịch vụ	%	8,58	8,05	8,34	8,62	8,34	8,65	8,45	8,93		
-	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	%	8,79	8,13	7,83	7,85	7,99	9,25	8,42	9,79	Sở Công Thương	
-	Vận tải kho bãi	%	7,86	7,18	12,26	7,28	7,23	8,11	7,51	8,90	Sở Xây dựng	
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	9,07	12,05	12,1	7,60	9,78	7,83	9,13	8,93	Sở Du lịch	
-	Thông tin và truyền thông	%	7,67	6,77	7,1	7,14	6,95	8,11	7,35	8,54	Sở Khoa học và CN	
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	7,94	7,56	8,0	7,97	7,77	8,00	7,86	8,13	NHNN chi nhánh KVI	
-	Hoạt động kinh doanh bất động sản	%	6,78	4,61	2,78	6,82	5,71	6,99	6,14	8,40	Sở Xây dựng	
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%		7,70		8,20	7,97	8,21	8,05	8,46	Sở Khoa	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Quý I		Quý II	6T	Quý III	9T	Quý IV	Chủ trì tham mưu	Ghi chú
				Kịch bản	TH Quý I							
			8,17		6,12						học và CN	
-	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	%	18,20	20,57	15,6	24,34	22,59	15,00	20,17	11,98	Các sở, ban, ngành; Sở TC tổng hợp chung	
-	Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT-XH, quản lý nhà nước, ANQP; bảo đảm XH bắt buộc	%	10,00	8,10	9,98	8,98	8,54	12,32	9,85	10,35	Các sở, ban, ngành; Sở TC tổng hợp chung	
-	Giáo dục và đào tạo	%	8,26	7,48	7,87	7,88	7,69	8,38	7,89	9,85	Sở Giáo dục và đào tạo	
-	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	%	6,90	5,87	7,22	6,79	6,41	7,51	6,73	7,64	Sở Y tế	
-	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	%	10,54	8,85	6,02	9,97	9,46	11,25	10,08	11,63	Sở Văn hóa và TT	
-	Hoạt động dịch vụ khác	%	3,54	2,57	3,6	3,23	2,90	3,87	3,23	4,30	Các sở, ban, ngành; Sở TC tổng hợp chung	
-	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ GD, sản xuất SP vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ GD	%	7,40	7,38	7,62	6,75	7,05	7,23	7,11	8,19	Các sở, ban, ngành; Sở TC tổng hợp chung	
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,66	4,31	4,69	5,42	4,88	6,15	5,32	6,72		
1	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (giá h.h.)	Tỷ đồng	622,7	98,5	93,4	137,5	236	164	400	222,7	Sở Tài chính	
-	<i>Tăng trưởng</i>	%	13,5	13,5	10,5	13,5	13,5	13,5	13,5	13,5		
2	Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	Triệu USD	20.470	4.420				5.580	14.920		Sở Công	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Quý I		Quý II	6T	Quý III	9T	Quý IV	Chủ trì tham mưu	Ghi chú
				Kịch bản	TH Quý I							
					4.323	4.920	9.340			5.550	Thương	
-	<i>Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tăng</i>	%	7,0	4,9	2,6	6,4	5,7	8,3	6,6	8,1		
3	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	≤ 5	≤ 5	2,75	≤ 5	≤ 5	≤ 5	≤ 5	≤ 5	Sở Công Thương	
B	NHÓM CHỈ TIÊU ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, MÔI TRƯỜNG											
1	Tỷ lệ CCN có trạm XLNT đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng										Sở Công Thương	Kỳ BC năm
-	Với CCN xây dựng mới	%	100								Sở Công Thương	Kỳ BC năm
-	Với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động	%	100								Sở Công Thương	Kỳ BC năm
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100								Sở Nông nghiệp và MT	Kỳ BC năm
3	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	%	100								Sở Nông nghiệp và MT	Kỳ BC năm
4	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM										Sở Nông nghiệp và MT	Kỳ BC năm
-	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM nâng cao tăng thêm	xã	35								Sở Nông nghiệp và MT	Kỳ BC năm
-	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu tăng thêm	xã	29								Sở Nông nghiệp và MT	Kỳ BC năm
C	NHÓM CHỈ TIÊU BỔ SUNG											
1	Vốn đầu tư FDI	Triệu USD	3.000	1.000				600	2.300		Sở Tài	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Quý I		Quý II	6T	Quý III	9T	Quý IV	Chủ trì tham mưu	Ghi chú
				Kịch bản	TH Quý I							
						700	1.700			700	chính	
2	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	1.000 DN	30,00	7,02		8,89	15,91	7,16	23,07	6,45	Sở Tài chính	
-	Số DN đăng ký thành lập mới tăng	%	2	2		2	2	2	2	2	Sở Tài chính	
3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	1.000 tỷ đ.	973,0	222,0	226,3	234,0	456,0	250,0	705,5	267,5	Sở Công Thương	
-	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng	%	14	11,19	13,3	13,76	12,49	15,57	13,48	15,48	Sở Công Thương	
4	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	1.000 tỷ đ.	618	143	145,2	148,5	291,5	157	448,5	169,5	Sở Công Thương	
-	Tốc độ tăng doanh thu bán lẻ hàng hóa	%	15	10,86	12,5	14,8	12,84	16,66	14,15	15,58	Sở Công Thương	
5	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	6,7		4,3						Sở Công Thương	
6	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	15								Sở Công Thương	Kỳ BC năm
7	Số sản phẩm CNCL được công nhận	SP	30-35								Sở Công Thương	Kỳ BC năm
8	Số CCN khởi công xây dựng hạ tầng	CCN	18								Sở Công Thương	Kỳ BC năm
9	Số CCN hoàn thành hạ tầng, thu hút đầu tư	CCN	25								Sở Công Thương	Kỳ BC năm
10	Số CCN được thành lập, mở rộng	CCN	15-20								Sở Công Thương	Kỳ BC năm
11	Số khu CN được khởi công xây dựng hạ tầng	KCN	1								Sở Công Thương	Kỳ BC năm
12	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.000 tỷ đ.	135	28,5	43,89	31,5	60	37	96,5	38	Sở Du lịch	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Quý I		Quý II	6T	Quý III	9T	Quý IV	Chủ trì tham mưu	Ghi chú
				Kịch bản	TH Quý I							
13	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng	%	15	12,83	11,8	15,84	14,39	16,44	14,57	14,97	Sở Du lịch	
14	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	1.000 tỷ đ.	38	8,5	7,56	9	17,5	10	27,5	10	Sở Du lịch	
-	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tăng	%	35	37,92	22,7	28,33	32,82	32,7	32,77	41,32	Sở Du lịch	
15	Số lượt khách du lịch nội địa	Triệu lượt	23,5	5,45	5,45	6,45	11,9	6,25	18,15	5,35	Sở Du lịch	
16	Số lượt khách du lịch quốc tế	Triệu lượt	7,5	1,85	1,85	1,7	3,55	1,75	5,3	2,2	Sở Du lịch	
17	Tổng thu từ khách du lịch	1.000 tỷ đ.	130	29,93	29,93	33	62,93	32	94,93	35,07	Sở Du lịch	
18	Tổng thu từ khách du lịch tăng	%	17,5	11,3	11,3	20,1	15,8	18	16,5	20,2	Sở Du lịch	
19	Công suất sử dụng phòng của cơ sở lưu trú	%	65	61,6	61,6	65	63,3	65	63,9	68,5	Sở Du lịch	
20	Số tuyến du lịch mới đưa vào khai thác	Tuyến	3	-		2	-	-	-	1	Sở Du lịch	
21	Khu du lịch mới đưa vào khai thác	Khu DL	2	-		-	-	-	-	2	Sở Du lịch	
22	Điểm du lịch mới cấp TP đưa vào khai thác	Điểm DL	5	1		1	2	1	3	2	Sở Du lịch	
23	Khu vực phố đi bộ đưa vào khai thác	Tuyến phố	2	-		-	-	1	1	1	Sở Du lịch	
24	Doanh thu VT, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	1.000 tỷ đ.	264,0	61,7	62,9	64,5	126,2	65,3	191,5	72,5	Sở Xây dựng	
-	Doanh thu vận tải, kho bãi và DV hỗ trợ VT tăng	%	18,0	18,0	20,1	18,0	18,0	18,0	18,0	18,0	Sở Xây dựng	
25	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	20	19,5	19,5	19,5	19,5	20	20	20	Sở Xây dựng	
26	Số hành khách vận tải bằng xe buýt công cộng	Triệu lượt	424	105	106,8	103	208	106	314	110	Sở Xây dựng	
27	Số hành khách vận tải trên tuyến đường sắt đô thị	Triệu lượt	17	4	4,7	4	8	4	12	5	Sở Xây dựng	
28	Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	1.000 ha	1								Sở Nông nghiệp và MT	Kỳ BC năm
29	Diện tích nuôi trồng thủy sản	1.000 ha	25								Sở Nông nghiệp và MT	Kỳ BC năm

Phụ lục 2: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng lĩnh vực kinh tế ngành

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Sản phẩm/ kết quả cụ thể cần đạt được	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Đẩy nhanh tiến độ phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghệ cao sinh học, các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp làng nghề theo hướng “sáng - xanh - sạch - đẹp. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, chủ động phối hợp các sở, ngành tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thành sớm nhất xây dựng hạ tầng công nghiệp đồng bộ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu thu hút nhà đầu tư.	Khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật 11 CCN còn lại nhằm hoàn thành khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật 43/43 CCN được thành lập giai đoạn 2018 - 2020. Hoàn thành xây dựng hạ tầng 30 CCN đã khởi công trong năm 2021-2024. Quyết định thành lập, mở rộng 15-20 CCN.	Năm 2025	Sở Công Thương	Ban QL các khu công nghệ cao và khu công nghiệp và các đơn vị liên quan	
2	Tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trung tâm thương mại, chợ... Tiếp cận, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm; giải quyết các thủ tục liên quan nhanh nhất, giảm tối thiểu thời gian giải quyết so với quy định hiện hành.	Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2025; Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao thứ bậc các chỉ số thành phần PCI, nâng cao thứ bậc Chỉ số PCI phần đầu trong TOP 20 tỉnh, thành phố; đồng thời cải thiện Chỉ số PGI, phần đầu trong TOP 20 tỉnh, thành phố.	Năm 2025	Sở Tài chính	Sở Công Thương, các sở, ngành liên quan	
3	Đẩy mạnh, tăng cường (về số lượng, chất lượng, quy mô) tổ chức các chương trình khuyến mại, kích cầu tiêu dùng, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Triển khai các giải pháp kết nối sản xuất với thị trường, đưa sản phẩm đặc sản và sản phẩm	- Thực hiện hiệu quả 42 hoạt động, chương trình khuyến mại, kích cầu tiêu dùng, xúc tiến thương mại thuộc lĩnh vực Sở Công Thương được giao thực	Năm 2025	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Sản phẩm/ kết quả cụ thể cần đạt được	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
	OCOP tiếp cận người tiêu dùng qua thương mại điện tử.	hiện. - Phấn đấu đưa 2.000 sản phẩm đặc sản và sản phẩm OCOP của Hà Nội và các tỉnh, thành phố lên các sàn thương mại điện tử, website bán hàng.				
4	Tập trung nguồn lực, đảm bảo tiến độ hoàn thành dự án đang triển khai; yêu cầu ngành điện cần rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai sớm đối với các dự án phát triển nguồn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.	Khởi công được 12 công trình điện và đóng điện vận hành 24 công trình điện.	Năm 2025	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	
5	Tập trung phát triển nông nghiệp đa lĩnh vực, đa mục tiêu, tuần hoàn, phát thải carbon thấp. Nâng cao diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tăng tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ qua hệ thống siêu thị, thương mại điện tử. Tăng cường đầu tư vào hệ thống logistics phục vụ nông nghiệp, phát triển các chuỗi giá trị liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ. Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ cao trong sản xuất.	Hoàn thành chỉ tiêu: Giá trị sản xuất trồng trọt tăng trung bình 0,8-0,9%/năm. Diện tích nông nghiệp công nghệ cao chiếm 25%. Tỷ lệ tiêu thụ qua chuỗi siêu thị đạt 50%, qua sàn TMĐT đạt 30%	Năm 2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	
		Xây dựng, ban hành các chính sách phát triển nông nghiệp: - Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định hình thức sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp ở bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đề để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm bảo đảm nguyên tắc việc xây dựng trên đất nông	Năm 2025			

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Sản phẩm/ kết quả cụ thể cần đạt được	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		ng nghiệp ở bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê phải phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều, quy hoạch xây dựng, quy hoạch khác có liên quan - Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, du lịch sinh thái, giáo dục trải nghiệm tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn - Nghị quyết của HĐND Thành phố về quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.				

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Sản phẩm/ kết quả cụ thể cần đạt được	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
6	Tận dụng lợi thế của Hà Nội để phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch đêm... Đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng du lịch, đưa ra các sản phẩm du lịch mới (gói combo), nâng cao chất lượng dịch vụ, quảng bá điểm đến chuyên nghiệp hơn, nhằm thu hút khách du lịch chất lượng cao.	Kế hoạch kích cầu du lịch thành phố Hà Nội năm 2025	Quý II/2025	Sở Du lịch	Các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	
7	Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế, đặc biệt tập trung vào các nhà đầu tư chiến lược; Thúc đẩy thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) và viện trợ phát triển chính thức (ODA) phù hợp với bối cảnh mới; tăng cường trao đổi kinh nghiệm xây dựng, chuyển giao công nghệ và phát huy các tiềm lực, thế mạnh của mỗi nước.	Danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư	Quý II/2025	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	
8	Đẩy mạnh các quan hệ kinh tế quốc tế theo chiều sâu với các đối tác lớn và có tiềm năng, trên cơ sở gắn chặt với lợi ích quốc gia - dân tộc, tạo đòn bẩy cho phát triển kinh tế, thương mại và phục vụ đắc lực cho các đột phá chiến lược của Thành phố; tăng cường tham gia các liên kết kinh tế, các diễn đàn đa phương quốc tế nhằm tranh thủ tối đa các nguồn lực cho phát triển và nâng cao vị thế của Thủ đô.	Kế hoạch hội nhập quốc tế năm 2025	Năm 2025	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã		
9	Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; định hướng, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài để tiếp cận công nghệ tiên tiến, tiếp thu kinh nghiệm quản lý và đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc nhằm thay đổi tâm nhìn và kỹ năng	- Tổ chức Chương trình Xúc tiến Đầu tư/ hội nghị xúc tiến đầu tư theo các chủ đề: Công nghệ số - Chuyển đổi số; Công nghiệp bán dẫn; Kinh tế xanh - Chuyển đổi xanh; Logistics;...	Năm 2025	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Sản phẩm/ kết quả cụ thể cần đạt được	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
	lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế	- Tổ chức các hội nghị/hội thảo/toạ đàm kết nối, xúc tiến, thu hút đầu tư, tìm kiếm đối tác đầu tư các thị trường tiềm năng; - Tổ chức đưa doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đi đào tạo, tập huấn tại nước ngoài				
10	Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các tuyến xe buýt điện; Tham mưu ban hành phương án vé liên thông đa phương thức cho hệ thống vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội; Triển khai hệ thống vé điện tử liên thông trên toàn mạng lưới vận tải công cộng	Thúc đẩy chuyển đổi xanh và triển khai hiệu quả trong lĩnh vực giao thông vận tải; Chuyển đổi các tuyến buýt sử dụng xe buýt diesel sang xe buýt điện theo lộ trình.	Năm 2025 và đến năm 2030	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	
		Ban hành phương án vé liên thông đa phương thức cho hệ thống vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội	Năm 2025			
		Triển khai hệ thống vé điện tử liên thông trên toàn mạng lưới vận tải công cộng	Năm 2025			
11	Tập trung phát triển và phổ cập mạnh mẽ mạng viễn thông 5G, mạng cáp quang tại hộ gia đình và các khu công nghiệp, trung tâm đô thị, điểm du lịch quan trọng; hỗ trợ đưa các hộ sản xuất nông nghiệp và các sản phẩm OCOP lên các sàn thương mại điện tử, hình thành kinh tế số trong nông nghiệp.	100% hộ gia đình và các khu công nghiệp, trung tâm đô thị, điểm du lịch quan trọng... được phổ cập mạng viễn thông 5G, mạng cáp quang.	Năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Sản phẩm/ kết quả cụ thể cần đạt được	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
12	Đẩy nhanh tiến độ các dự án triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; về giảm nghèo bền vững đã được phân bổ vốn, đảm bảo tiến độ giải ngân 100%. Hướng dẫn các địa phương tổ chức lại sản xuất nhằm nâng cao điều kiện sống, tạo nguồn thu nhập ổn định cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại địa phương.	Hoàn thành các chỉ tiêu CTMTQG phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030	Năm 2025	Ban Dân tộc và Tôn giáo	Sở Tài chính, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	
		Đề án phục hồi, bảo tồn, phát huy nét văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với hoạt động du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên địa bàn.				
13	Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 57/KH-UBND thúc đẩy triển khai và giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2025; Đôn đốc các chủ đầu tư tập trung nguồn lực, thúc đẩy tiến độ các dự án đầu tư công,	Kế hoạch thúc đẩy thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công hàng quý; phấn đấu đạt giải ngân trên 95% trong năm 2025.	Năm 2025	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	